TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/DS-PT
Ngày 20 – 02 – 2024
V/v tranh chấp Quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phan Công Trí.

Các Thẩm phán:

1. Ông Trương Thanh Dũng.

2. Bà Giang Thị Cẩm Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Minh Thu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 219/2023/TLPT-DS, ngày 04/12/2023 về việc *"Tranh chấp Quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thụy H, sinh năm 1959.
Địa chỉ: Khóm A, phường L, thị xã G , tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Đoàn Hoa L, sinh ngày 18/4/997.
Địa chỉ: Cao Ốc G, Số D, Hồ Đ, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản uỷ quyền ngày 24/6/2022)(có mặt).
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Nguyễn Thụy H: Ông Đặng Thanh S – Luật sư Văn phòng L4 thuộc Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: Số D Hậu Giang, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lâm Q, sinh năm 1963.
Địa chỉ: Khóm A, phường L, thị xã G , tỉnh Bạc Liêu. Người đại diện theo uỷ quyền của ông Lâm Q: Bà Danh Thị L1, sinh năm 1958. Địa chỉ: Khóm A, phường L, thị xã G , tỉnh Bạc Liêu (văn bản uỷ quyền ngày 26/01/2024) (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Danh Thị L1, sinh năm 1958 (có mặt).

3.2. Ông Lâm Q1, sinh năn 1981.

3.3. Bà Lâm Thị S1, sinh năm 1983 (vắng mặt).

3.4. Ông Lâm Q2, sinh năm 1985 (vắng mặt).

3.5. Ông Lâm Ngọc Q3, sinh năm 1988 (vắng mặt).

3.6. Bà Võ Hồng N, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Khóm A, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Lâm Q1, bà Võ Hồng N: Bà Danh Thị L1, sinh năm 1958. Địa chỉ: Khóm A, phường L, thị xã G , tỉnh Bạc Liêu (văn bản uỷ quyền ngày 26/01/2024) (có mặt).

3.7. Ngân hàng N1.

Trụ sở: Số B, đường L, phường T, quận B, Tp . Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Thanh M – Giám đốc Chi nhánh thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Người được uỷ quyền lại: Ông Đỗ Văn Bảo Q4, chức vụ Trưởng phòng Phòng Giao dịch phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (văn bản uỷ quyền ngày 21/6/20023) (vắng mặt).

3.8. Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Trụ sở: Khóm 1, Phường 1, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T – Chủ tịch UBND thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đỗ Trung T1 – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã G. (vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thụy H.

- Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bà Nguyễn Thụy H là nguyên đơn trình bày: Bà Nguyễn Thị L2 được Nhà nước cho nhận lại một phần đất với diện tích 2770m^2 và được Ủy ban nhân dân huyện G (nay là thị xã G) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/7/1996.

Năm 1996, bà L2 di chúc phân chia tất cả các phần đất của bà có được để cho các cháu trong gia đình, cụ thể: Chia cho Nguyễn Thị H1, Trần Kim T2 và Nguyễn Thụy H, trong đó phần đất bà L2 cho bà H có diện tích 830m^2 tại thửa 520, tờ bản đồ số 14. Sau khi thừa kế, bà H đã thực hiện thủ tục chuyển tên và được Ủy ban nhân dân huyện G (nay là thị xã G) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/7/2001.

Trước đó, vào năm 1983, gia đình ông Lâm Q khó khăn không có chổ ở nên bà Nguyễn Thị L2 có cho ông Q mượn một phần đất ở phía sau vườn để cất nhà tạm, diện tích khoảng 100m^2, mục đích cho ông Q trông coi vườn giúp bà L2. Khi bà H được cho đất vẫn biết phần đất của mình được cho, ông Q mượn ở nhưng do chưa có nhu cầu sử dụng nên bà không có ý kiến gì. Tuy nhiên, khi có nhu cầu sử dụng bà H yêu cầu ông Q giao trả lại thì ông Q không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Ngày 27/12/1996, tại biên bản hòa giải của địa phương ông Q có thừa

nhận phần đất tranh chấp là mượn của bà L2, ông đồng ý trả lại nhưng bà L2 phải trả chi phí tôn tạo đất và hoa lợi trên đất, do yêu cầu không hợp lý nên bà L2 không đồng ý và tranh chấp đến nay. Nay bà H yêu cầu ông Q và những người liên quan có nghĩa vụ di dời, tháo dỡ nhà và các công trình kiến trúc gắn liền trên đất để giao trả lại diện tích qua đo đạc thực tế 721,2m^2 cho bà H, bà H đồng ý bồi thường tiền hoa màu, cây trái trên đất với số tiền theo hội đồng định giá là 9.300.000 đồng cho ông Q, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Yêu cầu chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn. Sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc ông Q và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tháo dỡ, di dời công trình trên đất để trả đất cho bà H, bà H đồng ý trả giá trị các cây trồng trên đất.

Bị đơn ông Lâm Q trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của Chùa K cho vợ chồng ông ở vào năm 1981, khi cho không có làm giấy tờ chỉ nói miệng, chỉ cho ở nhưng không được quyền sang bán, diện tích lúc cho là 1 công tầm cấy. Sau khi được cho đất vợ chồng ông cất nhà tạm ở từ năm 1983, đến năm 2013 mới cất nhà bán kiến cố ở cho đến nay.

Năm 2005, bà H cho rằng phần đất ông ở là của bà Nguyễn Thị L2 là dì ruột của bà H cho ông mượn và yêu cầu lấy lại nên mới phát sinh tranh chấp. Khi được chính quyền hòa giải ông cũng đồng ý bán lại cho bà H với giá 10.000.000đ, nhưng bà H không đồng ý mua nên đến năm 2013 ông cất nhà bán kiến cố, có diện tích 120,99m^2. Ngoài ra, ông còn cho người con Lâm Thị S1 01 phần đất để cất căn nhà có diện tích 32,96m^2. Cho người con Lâm Quang 01 phần đất cất căn nhà có diện tích 61,02m^2. Ông còn trồng một số cây ăn trái trên phần đất này.

Nay, bà H khởi kiện yêu cầu đòi lại đất ông không đồng ý, việc bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên phần đất ông đang ở là sai nên yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà H đối với diện tích 721,2m^2 , ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lâm Q1 trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 21/3/2018: Vào năm 2013, ông có gia đình nên cha mẹ có cho 01 phần đất để cất nhà ở, sau khi được cho đất ông cất nhà ở ổn định đến nay, theo ông được biết nguồn gốc đất là của chùa cho cha ông. Nay, ông yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã G trình bày: Căn cứ vào kết quả đo đạc thực tế ngày 27/9/2017, phần đất tranh chấp giữa bà Nguyễn Thụy H và ông Lâm Q có diện tích 721,2m^2 thuộc thửa 520, tờ bản đồ số 14, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Nguyễn Thụy H theo quyết định số 1594/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân huyện G (nay là thị xã G) ngày 26/6/2001. Về trình tự thủ tục cấp giấy: Nguồn gốc phần đất là của bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1918; địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện G (nay là Khóm A, Phường L, thị xã G) được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 16/7/1996. Vào ngày 08/6/2001, bà Nguyễn Thị L2 có làm hợp đồng tặng cho bà Nguyễn Thụy H là cháu với diện tích 830m^2 tại thửa 451, tờ bản đồ số 14, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 07120 ngày 16/7/1996. Sau khi xem xét

đầy đủ các thủ tục Ủy ban nhân dân huyện G (nay là thị xã G) đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thụy H với diện tích 830m^2, tại thửa 520, tờ bản đồ số 14 theo quyết định số 1594/QĐ-UB, ngày 26/6/2001, phần đất tọa lạc tại Ấp A, xã P, huyện G, tỉnh Bạc Liêu (nay là Khóm A, Phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu). Như vậy, về trình tự và thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thụy H đến nay chưa phát hiện có sai sót.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N1 do ông Đỗ Văn Bảo Q4 trình bày: Ngày 17/01/2022, Ngân hàng có ký hợp đồng tín dụng số 7202LAV202200236, cho bà Nguyễn Thụy H vay số tiền 200.000.000 đồng, mục đích vay là sản xuất kinh doanh trong gia đình, thời hạn vay là 36 tháng (từ ngày 17/01/2022 đến ngày 13/01/2025), lãi suất 9%/năm, để bảo đảm khoản vay bà H thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 265293, do Ủy ban nhân dân huyện G (nay là thị xã G) cấp ngày 16/7/2001 với diện tích 830m^2, tại thửa 520, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại Khóm A, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Từ khi vay đến nay, bà H đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng với Ngân hàng. Mặt khác, khoản vay chưa đến thời hạn thanh toán nên Ngân hàng tiếp tục thực hiện hợp đồng với bà H, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thụy H đối với ông Lâm Q.

Buộc ông Lâm Q có nghĩa vụ giao trả cho bà Nguyễn Thụy H số tiền 115.392.000đ *(Một trăm mười lăm triệu ba trăm chín mươi hai nghìn đồng)*, đây là số tiền trị giá 721,2m^2 đất giao cho ông Q.

Giao cho ông Lâm Q diện tích đất 721,2m^2 , tại thửa 520, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại Khóm A, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 265293, do Ủy ban nhan dân huyện G, (nay là thị xã G) cấp ngày 16/7/2001 do bà Nguyễn Thụy H đứng tên (có chiều dài tứ cạnh).

Ông Lâm Q có quyền đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên. Ủy ban nhân dân thị xã G thu hồi diện tích 721,2m^2 tại thửa 520, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại Khóm A, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 265293, do Ủy ban nhân dân huyện G, (nay là thị xã G) cấp ngày 16/7/2001 do bà Nguyễn Thụy H đứng tên để cấp lại cho ông L3 Quận theo bản án khi có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lâm Q đối với bà Nguyễn Thụy H về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 265293, do Ủy ban nhan dân huyện G, (nay là thị xã G) cấp ngày 16/7/2001 cho bà Nguyễn Thụy H đứng tên với diện tích 721,2m^2.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thụy H kháng cáo yêu

cầu cấp phúc thẩm sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu theo hướng buộc bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tháo dỡ, di dời công trình, cây trồng để giao trả đất cho bà H.

Ngày 29/9/2023, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu kháng nghị đề nghị cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung vụ án giải quyết không đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thụy H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Viện kiểm sát tỉnh Bạc Liêu giữ nguyên kháng nghị.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử; Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát; Đề nghị Hội đồng xét phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; huỷ toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu để giải quyết sơ thẩm lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của đương sự, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai hợp lệ. Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm theo quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 276 và Điều 285 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà H yêu cầu ông Q và những người liên quan có nghĩa vụ di dời, tháo dỡ nhà và các công trình kiến trúc gắn liền trên đất để giao trả lại diện tích qua đo đạc thực tế 721,2m^2 cho bà H, bà H đồng ý bồi thường tiền hoa màu, cây trái trên đất với số tiền theo hội đồng định giá là 9.300.000đ cho ông Q.

[2.1] Xét về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả lại quyền sử dụng đất, nên được xác định là quan hệ pháp luật tranh chấp quyền sử dụng đất. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/4/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, thành phần hoà giải tranh chấp đất đai tại Uỷ ban nhân dân cấp

xã bắt buộc phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân là Chủ tịch Hội đồng; đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn; tổ trưởng tổ dân phố đối với khu vực đô thị; trưởng thôn, ấp đối với khu vực nông thôn. Song, tại Biên bản hoà giải ngày 31/3/2023 của Ủy ban nhân dân phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu không có đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường tham gia, có ghi tên Trưởng K nhưng không có ký tên (bút lục 07-08).

Bà Nguyễn Thụy H khởi kiện yêu cầu trả diện tích đất cho bà và chồng bà là ông Phạm Minh H2. Khi thụ lý vụ án, Toà án cấp sơ thẩm đã đưa ông H2 tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bút lục 50). Ông H2 cũng yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất tranh chấp cho vợ chồng ông (bút lục 170). Tuy nhiên, trong quá trình xét xử Toà án không triệu tập ông H2 tham gia phiên toà, ban hành bản án sơ thẩm không có tư cách tham gia tố tụng của ông H2 mà không nêu rõ lý do.

Quá trình lấy lời khai đương sự, thể hiện: Trên đất tranh chấp có các đương sự mà cấp sơ thẩm đã đưa tham gia tố tụng, còn những người khác đang sinh sống trên đất là con của ông Q, con của anh Lâm Q1 và chị Võ Hồng N, con của chị Lâm Thị S1 không đưa tham gia tố tụng.

Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ (bút lục 109-111): Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ không mô tả rõ hiện trường trên đất tranh chấp có những công trình, cây trồng, ai đang quản lý, sử dụng; ngoài ra, có 02 ngôi mộ chôn trên đất tranh chấp (bút lục 291), nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ người thân thích của 02 ngôi mộ này là ai lại giao toàn bộ diện tích đất cho ông Q5 là ảnh hưởng nghiêm trọng quyền lợi hợp pháp của đương sự.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử tại cấp sơ thẩm, bị đơn trình bày có 02 người con là Lâm Thị S1, Lâm Ngọc Q3 đang ở Malaysia và tại phúc thẩm bà Liên tiếp t khẳng định chị S1 và anh Q3 đã đi Malaysia cách nay 06 năm. Xét thấy, vụ án có đương sự ở nước ngoài chưa được làm rõ để xác định thẩm quyền xét xử.

[2.2] Xét về nội dung vụ án:

Trên đất tranh chấp có 01 căn nhà của ông Q và 02 căn nhà của anh Q1 và chị S1, nhưng chỉ giao đất và buộc một mình ông Q trả giá trị là ảnh hưởng nghiêm trọng quyền lợi của đương sự.

Diện tích đất tranh chấp đang được thế chấp tại Ngân hàng N1, các đương sự không yêu cầu giải quyết đối với hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp. Toà án sơ thẩm không nhận định giá trị pháp lý của hợp đồng thế chấp, nhưng lại tuyên án, đề nghị Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu thu hồi diện tích 721,2m^2 tại thửa 520, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại Khóm A, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 265293, do Ủy ban nhân dân huyện G, (nay là thị xã G) cấp ngày 16/7/2001 do bà Nguyễn Thụy H đứng tên để cấp lại cho ông Lâm Q là ảnh hưởng nghiêm trọng quyền lợi của đương sự, gây trở ngại cho công tác thi hành án.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm xác định đất tranh chấp 721,2m^2 của bà Nguyễn Thụy H, ông Q và các con chỉ cất nhà sinh sống với tổng diện tích 214,97m2, nhưng lại giao hết diện tích 721,2m cho ông Q.

[3] Từ những vi phạm nghiêm trọng trên trên, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm, theo quy định tại khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản tranh chấp và án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai. Huỷ toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2023/DS-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

2. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng và án phí:

Chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản tranh chấp và án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thụy H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thị xã Giá Rai;
- CCTHADS thị xã Giá Rai;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Phan Công Trí